

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 08/2025/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2025, giữa:

Nguyên đơn: Chị Đoàn Thị T, sinh ngày 12 tháng 12 năm 1988

Nơi cư trú: thôn 4 L, xã P, tỉnh Quảng T.

Căn cước công dân số: 044188011164

Bị đơn: Anh Lê Văn Đ, sinh ngày 10 tháng 6 năm 1984

Nơi cư trú: thôn 4 L, xã P, tỉnh Quảng T.

Căn cước công dân số: 044084007404

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55 và Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 8 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 8 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Đoàn Thị T và anh Lê Văn Đ.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Chị Đoàn Thị T và anh Lê Văn Đ thừa nhận quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên là Lê Tuấn H, sinh ngày 10/3/2011 và Lê Thanh Th, sinh ngày 28/8/2014. Sau khi ly hôn, chị T và anh Đ thống nhất thoả thuận giao con Lê Tuấn H cho anh Đ trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; giao con Lê Thanh Th cho

chị T trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Chị T và anh Đ thống nhất thỏa thuận không ai phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Sau khi ly hôn, bên không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản. Khi cần thiết một trong hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về quan hệ tài sản và nợ chung: Chị Đoàn Thị T và anh Lê Văn Đ thống nhất trình bày vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Đoàn Thị T và anh Lê Văn Đ thống nhất thỏa thuận chị T chịu toàn bộ 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí ly hôn để sung vào ngân sách Nhà nước. Nhưng được trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị T đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Quảng T theo biên lai số 0005514 ngày 11 tháng 7 năm 2025. Chị T được nhận lại 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng T;
 - Sở Tư pháp Quảng T;
 - VKSND Khu vực 1;
 - THADS tỉnh Quảng T;
 - Các đương sự;
 - UBND L (nay là P)
- số GNC: 24 ngày 12/7/2010;
- Lưu hồ sơ

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Thắm